



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

A member of  International

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 31
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 31

0011  
CHI  
CÔN  
HÃNG  
TÂN 4-

U.N:370  
C  
C  
M  
B  
THUAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Vũ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 2/12/2015)
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 2/12/2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

(105-)  
NHÀ  
C TY T  
KIỂM  
AASC  
P. HỒ  
17694  
NG T  
PH  
Y M  
ĐỨC  
N-T.B

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phan Thành Đức**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2017

006-C  
NH  
VHH  
TOÁN  
CHI M

38-C  
Y  
N  
C  
NG  
NH D

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc  
**CHI NHÁNH  
CÔNG TY TNHH  
HÀNG KIỂM TOÁN  
AASC**  
Ngô Minh Quý  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2013-002-1

Kiểm toán viên



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/12/2015 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>380.085.599.482</b>	<b>528.443.269.168</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>128.277.807.524</b>	<b>36.319.314.658</b>
111	1. Tiền		25.592.807.524	16.087.314.658
112	2. Các khoản tương đương tiền		102.685.000.000	20.232.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>93.653.687.989</b>	<b>274.795.303.237</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.553.549.489	178.061.604.779
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.373.930.579	1.031.484.483
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.726.207.921	95.702.213.975
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>142.576.619.054</b>	<b>198.188.595.725</b>
141	1. Hàng tồn kho		142.576.619.054	198.188.595.725
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>15.577.484.915</b>	<b>19.140.055.548</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.860.556.457	3.341.790.009
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.716.928.458	13.214.841.930
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	2.583.423.609
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>124.849.276.310</b>	<b>78.052.284.562</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>57.251.345.014</b>	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	57.251.345.014	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>57.963.527.402</b>	<b>58.458.064.738</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	57.884.027.496	58.349.856.516
222	- Nguyên giá		210.269.143.369	199.971.245.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(152.385.115.873)	(141.621.388.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	79.499.906	108.208.222
228	- Nguyên giá		6.518.749.711	6.518.749.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.439.249.805)	(6.410.541.489)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>261.000.000</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		261.000.000	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>4.055.037.967</b>	<b>4.055.037.967</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.055.037.967	4.055.037.967
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.318.365.927</b>	<b>15.539.181.857</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.318.365.927	15.539.181.857
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>504.934.875.792</b>	<b>606.495.553.730</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/12/2015 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>329.391.228.049</b>	<b>486.365.219.471</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>329.359.037.516</b>	<b>486.203.698.271</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	63.670.685.497	77.679.297.853
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.130.021.760	504.002.211
314	3. Phải trả người lao động		70.795.317.786	49.685.995.631
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	268.738.355	351.153.690
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	638.246.598	4.986.510.121
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	188.779.385.177	342.006.624.130
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.076.642.343	10.990.114.635
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>32.190.533</b>	<b>161.521.200</b>
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	32.190.533	161.521.200
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>175.543.647.743</b>	<b>120.130.334.259</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>175.543.647.743</b>	<b>120.130.334.259</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.413.313.484	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		55.413.313.484	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>504.934.875.792</b>	<b>606.495.553.730</b>

Đoàn Thị Kim Ngân  
Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng

Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc  
Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.488.868.702.156	1.198.920.136.188
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.568.965.810	2.840.230.517
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.481.299.736.346	1.196.079.905.671
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.292.883.231.888	1.091.888.178.424
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		188.416.504.458	104.191.727.247
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.877.352.332	18.236.509.533
22	7. Chi phí tài chính	25	17.010.367.421	35.868.628.389
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.358.218.446	6.821.640.224
25	8. Chi phí bán hàng	26	15.143.932.930	26.692.618.515
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	84.896.373.749	49.083.336.421
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88.243.182.690	10.783.653.455
31	11. Thu nhập khác	28	4.079.120.451	4.358.041.177
32	12. Chi phí khác	29	389.424.218	11.090.018
40	13. Lợi nhuận khác		3.689.696.233	4.346.951.159
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.932.878.923	15.130.604.614
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	18.648.896.106	3.109.560.227
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(129.330.667)	70.569.776
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>73.413.313.484</u>	<u>11.950.474.611</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	6.118	

  
Đoàn Thị Kim Ngân  
Người lập

  
Đoàn Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng

  
Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		91.932.878.923	15.130.604.614
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.829.546.747	14.639.778.502
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		2.170.916.229	(13.173.192)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.009.116.468)	(5.773.000.309)
06	- Chi phí lãi vay		5.358.218.446	6.821.640.224
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước		102.282.443.877	30.805.849.839
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		180.918.549.752	(76.940.685.503)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		55.611.976.671	(8.630.269.390)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.456.065.316	42.049.648.570
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.702.049.482	(8.983.608.150)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.440.633.781)	(6.882.044.919)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.050.659.839)	(4.789.203.659)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.698.319.494	23.431.453.875
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.653.814.257)	(12.613.975.243)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		320.524.296.715	(22.552.834.580)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và		(10.757.888.324)	(1.290.080.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		321.336.793	87.022.788
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.251.345.014)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.161.341.322	5.741.584.509
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(57.526.555.223)	4.538.527.297
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp		-	399.034.259
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.080.587.367.505	964.796.654.428
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.233.814.606.458)	(950.085.084.594)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.805.166.425)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(171.032.405.378)	15.110.604.093
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		91.965.336.114	(2.903.703.190)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.319.314.658	39.209.844.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.843.248)	13.173.192
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		128.277.807.524	36.319.314.658

Đoàn Thị Kim Ngân  
Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng

Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 120.000.000.000 đồng; tương đương 12.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thuê;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Mua bán máy móc ngành may mặc;
- Mua bán công nghệ thông tin trong ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2016  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05-0  
HÁI  
TY TN  
IỂM  
ASC  
HỒ  
769  
NG T  
PH  
Y M  
I DU  
N-T

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 <sup>*</sup> năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 12 tháng.

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **2.15 . Doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán.

### 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	306.092.221	220.637.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.286.715.303	15.866.677.650
Các khoản tương đương tiền	102.685.000.000	20.232.000.000
	<u>128.277.807.524</u>	<u>36.319.314.658</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 102,685 tỷ VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 5,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào liên kết</b>				
- Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương <sup>(1)</sup>	4.055.037.967	-	4.055.037.967	-
<b>Đầu tư vào Đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân <sup>(2)</sup>	-	-	-	-
	<b>4.055.037.967</b>		<b>4.055.037.967</b>	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(1)</sup> Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	Bình Dương	29,80%	29,80%	May mặc

<sup>(2)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 VND do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và hoạt động kinh doanh của Công ty này có số lỗ lũy kế vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu, Công ty này đang tạm ngưng hoạt động. Tuy nhiên tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân tại ngày 31/12/2016 vẫn là 13,19%.

05-06  
NHÂN  
TY TNHH  
KIỂM T  
ASC  
HỒ C

07694  
ÔNG T  
CỔ PHẦN  
MAY MẶC  
H BÌNH DƯƠNG  
4N-T.S

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Happy International Trading Corporation	-	110.358.098.211
- Công ty Cổ phần Y phục doanh nhân	-	14.759.840.900
- Pacific Sunwear Of California, Inc	2.615.330.319	16.852.964.009
- Công ty CP Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	-	145.217.500
- Tổng Công ty Sản xuất XNK Bình Dương - TNHH MTV	-	89.999.580
- Olymp Bezner GMBH & Co.KG Hopfighemer	11.839.988.316	19.620.992.997
- Pacificways Limited	312.906.092	9.894.311.046
- Sweet People Apparel, Inc Dba Miss Me	34.568.260.247	-
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	20.402.145.967	-
- Phoenix Textile	4.554.237.312	-
- Goldmark Development Ltd	3.784.387.540	-
- Doojin Yangchang Co, Ltd	1.995.165.960	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.481.127.736	6.340.180.536
	<b>86.553.549.489</b>	<b>178.061.604.779</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>235.217.080</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38		

**6 . TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/12/2015
	VND	VND
- Juki Singapore Pte Ltd	956.643.834	-
- Tianjin Tiange Textile Co., Ltd	311.672.611	-
- Công ty TNHH An Phát	192.871.315	-
- Wide Way Textile Ltd	174.189.753	-
- Công ty TNHH MTV Sài Gòn Sông Bé	300.000.000	-
- Công ty TNHH Texlink International	-	891.724.859
- Trả trước người bán khác	438.553.066	139.759.624
	<b>2.373.930.579</b>	<b>1.031.484.483</b>

5-C.1  
 H  
 IH  
 OÁN  
 -H MINH

38-C.1  
 Y  
 N  
 C  
 NG  
 INH DƯỠNG

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/12/2015 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu KPCĐ	-	-	87.940.835	-
Phải thu về tạm ứng	859.570.228	-	2.635.422.207	-
Phải thu về bảo hiểm	2.903.143.798	-	103.950.731	-
Lãi dự thu	895.468.909	-	3.199.871.486	-
Phải thu Tổng Công ty Sản xuất và XNK Bình Dương - TNHH MTV	-	-	87.251.345.014	-
Phải thu Tổng Công ty Sản xuất và XNK Bình Dương - TNHH MTV về điều chuyển tài sản	-	-	2.276.959.162	-
Phải thu khác	68.024.986	-	146.724.540	-
	<b>4.726.207.921</b>	<b>-</b>	<b>95.702.213.975</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.251.388.567	-	100.024.607.892	-
Công cụ, dụng cụ	208.537.371	-	114.829.419	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.284.793.558	-	79.380.998.723	-
Thành phẩm	2.831.899.558	-	18.668.159.691	-
	<b>142.576.619.054</b>	<b>-</b>	<b>198.188.595.725</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 142.576.619.054 VND

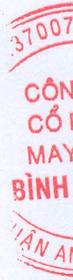
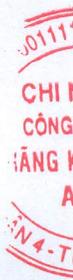
**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	51.091.466.169	129.135.597.244	10.605.540.071	9.138.641.650	199.971.245.134
- Mua trong năm	-	6.908.106.104	1.854.086.000	1.059.369.365	9.821.561.469
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	675.326.855	-	-	-	675.326.855
- Thanh lý TSCĐ	-	-	(185.198.755)	(13.791.334)	(198.990.089)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>51.766.793.024</b>	<b>136.043.703.348</b>	<b>12.274.427.316</b>	<b>10.184.219.681</b>	<b>210.269.143.369</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	31.025.575.068	98.068.956.675	6.645.110.604	5.881.746.271	141.621.388.618
- Khấu hao trong năm	3.030.880.125	6.176.435.138	854.115.186	739.407.982	10.800.838.431
- Thanh lý TSCĐ	-	-	(36.651.464)	(459.712)	(37.111.176)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.056.455.193</b>	<b>104.245.391.813</b>	<b>7.462.574.326</b>	<b>6.620.694.541</b>	<b>152.385.115.873</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	20.065.891.101	31.066.640.569	3.960.429.467	3.256.895.379	58.349.856.516
Tại ngày cuối năm	17.710.337.831	31.798.311.535	4.811.852.990	3.563.525.140	57.884.027.496

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.244.273.800 VND

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	530.000.000	5.988.749.711	6.518.749.711
Số dư cuối năm	530.000.000	5.988.749.711	6.518.749.711
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	421.791.778	5.988.749.711	6.410.541.489
- Khấu hao trong năm	28.708.316	-	28.708.316
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>450.500.094</b>	<b>5.988.749.711</b>	<b>6.439.249.805</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	108.208.222	-	108.208.222
Tại ngày cuối năm	79.499.906	-	79.499.906



**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016	01/12/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.800.033.596	3.272.181.340
Phí bảo hiểm cháy nổ	59.552.984	61.425.016
Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	969.877	8.183.653
	<b>1.860.556.457</b>	<b>3.341.790.009</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phân bổ công cụ dụng cụ	3.167.223.927	7.561.983.962
Thẻ hội viên sân Golf	2.151.142.000	2.199.664.000
Lợi thế kinh doanh	-	5.777.533.895
	<b>5.318.365.927</b>	<b>15.539.181.857</b>

**12 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	30/06/2016	01/12/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Sản xuất và XNK Bình Dương - TNHH MTV	57.251.345.014	-
	<b>57.251.345.014</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng vay vốn tín chấp số 01/HĐVV ngày 03/12/2015 Công ty cho Tổng Công ty Sản xuất và Xuất Nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV vay số tiền 87.251.345.014 VND với thời hạn 3 năm và lãi suất cho vay theo lãi suất tiền gửi Vietinbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, Tổng Công ty đã trả 30 tỷ VND nợ gốc

05-  
HÁ  
TY T  
IỂM  
ASC  
HỒ  
69.  
G T  
HÁ  
M/  
DU  
T.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**13 . VAY NGẮN HẠN**

	01/12/2015		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	202.778.085.573	202.778.085.573	625.217.500.561	728.153.277.998
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(2)</sup>	31.743.520.437	31.743.520.437	105.758.112.757	120.788.563.007
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	107.485.018.120	107.485.018.120	349.611.754.187	384.872.765.453
	<b>342.006.624.130</b>	<b>342.006.624.130</b>	<b>1.080.587.367.505</b>	<b>1.233.814.606.458</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức vay	Mục đích vay	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016
							VND
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	số 16.2900109/2016-HĐTĐHM/NHCT900-MMBD ngày 30/06/2016	400 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị	99.842.308.136
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 050B15 ngày 04/01/2016	60 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng khế ước nhận nợ	Máy móc thiết bị	16.713.070.187
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	01/2016/4675359/HĐHM ngày 10/06/2016	316 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng khế ước nhận nợ	Hàng tồn kho, công nợ phải thu, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi	72.224.006.854
							<b>188.779.385.177</b>

BÌNH DƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC  
YÊN BÌNH  
138-B  
NH  
H  
TOÁN  
106-C  
19

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Sky Ahead Limited	11.574.506.044	11.574.506.044	10.898.953.380	10.898.953.380
Công ty TNHH Twin Dragon	3.851.176.183	3.851.176.183	6.533.246.201	6.533.246.201
Công ty TCE Corporation	4.765.642.584	4.765.642.584	-	-
Công ty CP Gia công hoàn thiện may mặc Bình Dương	1.156.223.112	1.156.223.112	28.106.007.582	28.106.007.582
Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt	6.135.001.092	6.135.001.092	3.633.627.454	3.633.627.454
Công ty Itochu Corporation	-	-	4.625.974.701	4.625.974.701
Công ty CP may mặc và giặt Lê và Lê	15.887.481.236	15.887.481.236	-	-
Phải trả các đối tượng khác	20.300.655.246	20.300.655.246	23.881.488.535	23.881.488.535
	<u>63.670.685.497</u>	<u>63.670.685.497</u>	<u>77.679.297.853</u>	<u>77.679.297.853</u>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<u>1.156.223.112</u>	<u>1.156.223.112</u>	<u>28.106.007.582</u>	<u>28.106.007.582</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm (đã điều chỉnh)		Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Thuế Giá trị gia tăng	2.583.019.372	-	-	4.403.891.685	1.820.872.313	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	404.237	-	-	1.071.391.414	1.070.987.177	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	489.009.493	-	18.648.896.106	17.050.659.839	-	-	2.087.245.760	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	12.984.971	-	912.546.900	882.755.871	-	-	42.776.000	-
Thuế Tài nguyên	-	20.200	-	114.000	134.200	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.987.547	-	883.604.215	885.591.762	-	-	-	-
	<b>2.583.423.609</b>	<b>504.002.211</b>	<b>504.002.211</b>	<b>25.920.444.320</b>	<b>21.711.001.162</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.130.021.760</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/12/2015	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí lãi vay	188.738.355	-	271.153.690	-
- Chi phí phải trả khác	80.000.000	-	80.000.000	-
	<b>268.738.355</b>	<b>-</b>	<b>351.153.690</b>	<b>-</b>

THUẬN  
M  
C  
C  
W:370

HANG  
CON  
CHI  
0011

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/12/2015 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội và y tế	139.946.623	892.603.417
- Phải trả về cổ phần hóa	-	121.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	-	3.748.500.602
- Phải trả tạm ứng tiền cổ tức đợt 1	194.833.575	-
- Phải trả Bà Lê Thị Huỳnh Như	303.466.400	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	224.406.102
	<b>638.246.598</b>	<b>4.986.510.121</b>

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	130.334.259	-	120.130.334.259
Lãi trong năm	-	-	73.413.313.484	73.413.313.484
Tạm ứng cổ tức (*)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm	<b>120.000.000.000</b>	<b>130.334.259</b>	<b>55.413.313.484</b>	<b>175.543.647.743</b>

(\*) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2016 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐQT ngày 11/11/2016 của Hội đồng Quản trị.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	48,89	58.668.190.000	48,89	58.668.190.000
Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	30,00	36.000.000.000	30,00	36.000.000.000
Ông Hứa Tuấn Cường	10,00	12.000.000.000	10,00	12.000.000.000
Các cổ đông khác	11,11	13.331.810.000	11,11	13.331.810.000
	<b>100</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>120.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	58.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	58.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/12/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	677.014,79	569.019,12
- Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	4.205,00	930,00

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.488.191.701.694	1.196.160.274.413
Doanh thu bán nguyên phụ liệu và phế liệu	677.000.462	1.139.133.140
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.620.728.635
	<b>1.488.868.702.156</b>	<b>1.198.920.136.188</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	<b>66.136.055</b>	<b>118.693.248</b>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán	7.568.965.810	2.840.230.517
	<b>7.568.965.810</b>	<b>2.840.230.517</b>

**22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.480.622.735.884	1.193.320.043.896
Doanh thu thuần bán nguyên phụ liệu và phế liệu	677.000.462	1.139.133.140
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	1.620.728.635
	<b>1.481.299.736.346</b>	<b>1.196.079.905.671</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.292.274.343.245	1.089.844.487.232
Giá vốn của nguyên phụ liệu - phế liệu đã bán	608.888.643	634.535.506
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.409.155.686
	<b>1.292.883.231.888</b>	<b>1.091.888.178.424</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.272.938.745	5.043.000.309
Cổ tức, lợi nhuận được chia	584.000.000	730.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.020.413.587	12.463.509.224
	<b>16.877.352.332</b>	<b>18.236.509.533</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.358.218.446	6.821.640.224
Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư tại thời điểm cổ phần hóa	-	4.537.213.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.481.232.746	24.509.774.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	2.170.916.229	-
	<b>17.010.367.421</b>	<b>35.868.628.389</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.833.092.202	5.150.836.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.310.840.728	20.228.814.821
Chi phí bằng tiền khác	-	1.312.967.531
	<b>15.143.932.930</b>	<b>26.692.618.515</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	619.151.120	538.244.040
Chi phí nhân công	39.715.949.590	12.273.333.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	980.020.377	482.699.057
Thuế, phí, lệ phí	1.842.562.415	108.591.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.055.417.312	3.609.260.452
Chi phí khác bằng tiền	31.683.272.935	32.071.208.047
	<b>84.896.373.749</b>	<b>49.083.336.421</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	152.177.723	40.089.416
Tiền bồi thường	2.775.758.799	3.892.404.885
Thu nhập khác	1.151.183.929	425.546.876
	<b>4.079.120.451</b>	<b>4.358.041.177</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	383.172.339	4.436.364
Chi phí khác	6.251.879	6.653.654
	<b>389.424.218</b>	<b>11.090.018</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>91.932.878.923</b>	<b>15.130.604.614</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	2.136.554.267	660.579.817
Các khoản điều chỉnh giảm	(824.952.666)	(1.656.819.761)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>93.244.480.524</b>	<b>14.134.364.670</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>18.648.896.106</b>	<b>3.109.560.227</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	489.009.493	2.168.652.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(17.050.659.839)	(4.789.203.659)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>2.087.245.760</b>	<b>489.009.493</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	32.190.533	161.521.200
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>32.190.533</b>	<b>161.521.200</b>

**b) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(129.330.667)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	70.569.776
	<u>(129.330.667)</u>	<u>70.569.776</u>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016
	VND
Lợi nhuận sau thuế	73.413.313.484
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	73.413.313.484
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>6.118</u></b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	761.570.757.575	631.848.352.568
Chi phí nhân công	255.130.357.048	196.332.989.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.829.546.747	14.592.845.130
Thuế và các khoản lệ phí	1.842.562.415	108.591.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.980.063.033	287.304.606.618
Chi phí khác bằng tiền	32.123.957.974	32.066.194.291
	<u>1.356.477.244.792</u>	<u>1.162.253.579.530</u>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/12/2015 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.277.807.524	-	36.319.314.658	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.279.757.410	-	273.763.818.754	-
Các khoản cho vay	57.251.345.014	-	-	-
	<u>276.808.909.948</u>	<u>-</u>	<u>310.083.133.412</u>	<u>-</u>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/12/2015 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	188.779.385.177	342.006.624.130
Phải trả người bán, phải trả khác	64.308.932.095	82.665.807.974
Chi phí phải trả	268.738.355	351.153.690
	<b>253.357.055.627</b>	<b>425.023.585.794</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### **Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### **Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

06-C  
NH  
VHH  
TOÁN  
CHỈ M  
438  
Y  
N  
C  
NG  
VH D

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	128.277.807.524	-	-	128.277.807.524
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.279.757.410	-	-	91.279.757.410
Các khoản cho vay	-	57.251.345.014	-	57.251.345.014
	<b>219.557.564.934</b>	<b>57.251.345.014</b>	<b>-</b>	<b>276.808.909.948</b>
<b>Tại ngày 01/12/2015 (đã điều chỉnh)</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	36.319.314.658	-	-	36.319.314.658
Phải thu khách hàng, phải thu khác	273.763.818.754	-	-	273.763.818.754
	<b>310.083.133.412</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>310.083.133.412</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	188.779.385.177	-	-	188.779.385.177
Phải trả người bán, phải trả khác	64.308.932.095	-	-	64.308.932.095
Chi phí phải trả	268.738.355	-	-	268.738.355
	<b>253.357.055.627</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>253.357.055.627</b>
<b>Tại ngày 01/12/2015 (đã điều chỉnh)</b>				
Vay và nợ	342.006.624.130	-	-	342.006.624.130
Phải trả người bán, phải trả khác	82.665.807.974	-	-	82.665.807.974
Chi phí phải trả	351.153.690	-	-	351.153.690
	<b>425.023.585.794</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>425.023.585.794</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.080.587.367.505	964.796.654.428
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.233.814.606.458	950.085.084.594

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 (đã điều chỉnh) VND
<b>Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV</b>	<b>Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</b>		
- Nợ tiền bán cổ phần		-	119.139.366.741
- Chuyển TSCĐ nằm trên phần đất của Công ty mẹ		-	11.109.582.978
- Thuê TSCĐ nằm trên phần đất của Công ty mẹ		1.907.395.158	-
- Bán thành phẩm		66.136.055	81.817.800
- Thuê đất		1.430.000.000	1.210.000.000
- Thuê chung cư cho công nhân		2.383.333.334	2.016.666.666
- Lãi tiền cho vay		6.079.323.355	4.856.991.539
- Kinh phí công đoàn phải nộp		1.191.456.000	1.055.290.000
<b>Công ty CP Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
- Chi phí thuê gia công		146.832.234.734	152.603.351.943
- Thu tiền đặt cọc		-	2.500.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm		-	36.875.448
- Thu tiền hàng wash bị lỗi		1.484.571.517	2.631.097.330
- Thu cước hàng không, xuất hàng trễ		24.000.000	1.218.716.264
- Thu lãi đặt cọc		-	118.817.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/12/2015 (đã điều chỉnh) VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		-	<b>235.217.080</b>
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	89.999.580
Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện may mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	145.217.500
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>895.468.909</b>	<b>87.251.345.014</b>
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	895.468.909	87.251.345.014
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>		<b>57.251.345.014</b>	-
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	57.251.345.014	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>1.156.223.112</b>	<b>28.106.007.582</b>
Công ty CP Gia công hoàn thiện may mặc Bình Dương	Công ty liên kết	1.156.223.112	28.106.007.582
<b>Phải trả khác</b>		-	<b>3.748.500.602</b>
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	3.748.500.602
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016 VND	Năm 2015
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2.175.500.000	1.793.000.000

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/11/2015 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán. Do năm tài chính 2015 bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 và năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2016 nên số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là không thể so sánh được.

05-00  
HÀNH  
TY TNHH  
KIỂM TOÁN  
AASC

HỒ CH

007694

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
MAY MẶC  
BÌNH DƯƠNG

T. BÌNH

Ngoài ra một số chỉ tiêu đã được phân loại lại theo Biên bản giám sát Báo cáo tài chính của Tỉnh ủy Bình Dương ngày 06/04/2016, cụ thể như sau:

	Mã số	Biên bản giám sát Báo cáo tài chính VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a) Bảng cân đối kế toán</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	136	95.702.213.975	104.602.763.657
Thuế GTGT được khấu trừ	152	13.214.841.930	15.797.861.613
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2.583.423.609	1.681.037
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	504.002.211	489.446.754
Phải trả người lao động	314	49.685.995.631	49.700.257.402
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.986.510.121	2.776.436.308
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	10.990.114.635	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	22.102.308.927
<b>b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Thu nhập khác	31	4.358.041.177	4.404.974.549
Chi phí khác	32	11.090.018	56.015.643
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.109.560.227	3.109.997.488
<b>c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.130.604.614	15.132.612.361
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.940.685.503)	(74.357.666.131)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	42.049.648.570	39.464.621.451
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.613.975.243)	(12.613.975.243)

  
Đoàn Thị Kim Ngân  
Người lập

  
Đoàn Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng

  
Phan Thành Đức  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2017

